

Bản án số: **04/2020/HS-ST**
Ngày: 19 - 02 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuất.
2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - HS, ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1994 tại Bình Thuận; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn 1, xã V, Đ, Bình Thuận; nghề nghiệp: cạo mủ sao su; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tôn chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962; Con bà Trần Thị M, sinh năm 1968. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 29/10/2019, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tánh Linh cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 2000 tại Bình Thuận; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn 6, xã V, Đ, Bình Thuận; nghề nghiệp: làm bóp ví; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ; Con bà Lê Thị Ý Th, sinh năm 1970. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 29/10/2019, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tánh Linh cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Phạm Lê Ngọc D, sinh năm 2007; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Trương Thị L, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Văn P, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

- Lê Thị Ý Th, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn 6, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 29/10/2019, Lê Văn T ở thôn 6, xã V, huyện Đ điều khiển xe mô tô hiệu Winner biển số 86B8-371.35 đến nhà Nguyễn Văn M ở thôn 1, xã V, huyện Đ chơi. M rủ T đi đến nhà bạn gái của M tên là Lê Nguyên Phương N ở thôn 4, xã G, T chơi thì T đồng ý. M điều khiển xe mô tô của T chở T đi đến thôn 4, xã G nơi Nghi làm việc; tại đây M, T và Nghi nói chuyện với nhau khoảng 10 phút thì Nghi đi làm việc lại. Lúc này M nói với T “*xuống Lạc Tánh xàng xàng kiếm hi vọng*”, nghe vậy T hiểu ý M nói “*là xuống thị trấn Lạc Tánh tìm tài sản, để trộm cắp hoặc cướp giật tài sản*” nên T đồng ý. M chở T đi xuống Tánh Linh và ghé vào nhà ông Trần Xuân T1 ở xã G, huyện T là Cậu của M chơi và ăn cơm trưa tại nhà ông T1. Sau khi ăn cơm xong đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì M điều khiển xe chở T về lại thị trấn L, khi đi đến đường Nguyễn Huệ thuộc khu phố Lạc Hóa 1, TT. Lạc Tánh thì T phát hiện quán ăn của chị Trương Thị L có cháu Phạm Lê Ngọc D, sinh ngày 16/8/2007 (con gái chị L) đang nằm trên võng sử dụng điện thoại di động. T nói với M “*Quay xe lại*”, M quay xe lại cách quán chị L khoảng 5m thì M dừng xe, T xuống xe đi vào quán, còn M quay xe lại hướng đi xã G nổ máy đứng chờ sẵn; T đi đến chỗ cháu D nằm và dùng tay phải giật lấy điện thoại di động hiệu VISMART JOY 1 màu trắng trên tay cháu D rồi nhanh chóng chạy ra xe mô tô mà M đang chờ rồi cả hai bỏ chạy về hướng Vũ Hòa- Đức Linh; trên đường đi M hỏi T “*Điện thoại gì vậy*”, T nói “*Điện thoại Trung Quốc*” và T tắt nguồn tháo sim và ốp lưng điện thoại hiệu VSMART JOY 1 màu trắng vừa cướp giật được vứt trên đường đi, còn điện thoại T bỏ vào túi quần. Khi chạy tới quán cà phê gần nhà T thì cả hai ghé vào uống cà phê. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, T bán xe mô tô biển số 86B8-371.35 của mình cho Nguyễn Văn P sinh năm 1993 ở Khu phố 1, thị trấn T, huyện H với giá 27.000.000 đồng. Sau khi thống nhất mua bán xong, T cùng P đi công chứng giấy tờ mua bán xe tại Phòng Công chứng Hoài Đức ở khu phố 2, thị trấn V, huyện Đ. T mượn xe mô tô biển số 86F1-2180 của Trần Quang H ở thôn 6, xã V, huyện Đ đưa M điều khiển chở T đi đến tiệm điện thoại X, ở xã V để bán điện thoại VSMART JOY 1 nhưng ông Ch chỉ mua với giá 700.000 đồng, M và T thấy rẻ nên không bán. M chở T về lại quán cà phê trả xe

cho H. T đi về nhà giấu chiếc điện thoại VSMART JOY 1 vào bụi cỏ sau nhà T. Khoảng 30 phút sau Công an mời T và M lên xã V làm việc thì Nguyễn Văn M, Lê Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình; Tiến hành thu giữ tang vật 01 điện thoại di động hiệu VSMART JOY 1 màu trắng và 01 xe mô tô hiệu Winner biển số 86B8-371.35.

Bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 06/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tánh Linh, kết luận: 01 điện thoại hiệu VSMART JOY 1 màu trắng, có trị giá: 1.677.332 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT - VKSND-TL, ngày 08 tháng 01 năm 2020; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 171 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Văn T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của P luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Văn T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”. Đề nghị xem xét áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M với mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T với mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Vật chứng: Đề nghị Áp dụng khoản 2 điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu hồng-đen biển số 86B8-371.35 và 01 giấy đăng ký xe số 0337.85 của Lê Văn T là chủ sở hữu, dùng làm phương tiện để phạm tội.

- Bị cáo Nguyễn Văn M: không có ý kiến tranh luận.

- Bị cáo Lê Văn T: không có ý kiến tranh luận.

- Người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp P của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có người nào có ý kiến, hoặc

khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Văn T phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, do đó đã đủ cơ sở để kết luận như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/10/2019, Nguyễn Văn M điều khiển xe 86B8-371.35 của Lê Văn T, chở T từ xã G về thị trấn L, khi đi đến đường Nguyễn Huệ thuộc khu phố Lạc Hóa 1, thị trấn L thì T phát hiện trong quán của chị Trương Thị L có cháu Phạm Lê Ngọc D, sinh ngày 16/8/2007, con gái chị L đang nằm trên võng sử dụng điện thoại di động. T nói với M “*Quay xe lại*”, M quay xe lại cách quán chị L khoảng 5m thì M dừng xe, T xuống xe đi vào quán, còn M quay xe lại hướng đi Gia An nổ máy đứng chờ sẵn; T đi đến chỗ cháu D nằm và dùng tay phải giật lấy điện thoại di động hiệu VISMART JOY 1 màu trắng trên tay cháu D rồi nhanh chóng chạy ra xe mô tô mà M đang chờ rồi cả hai bỏ chạy về hướng Vũ Hòa- Đức Linh. Trên đường đi, T tắt nguồn tháo sim và ốp lưng điện thoại hiệu VISMART JOY 1 màu trắng vừa cướp giật được vứt trên đường đi, còn điện thoại T bỏ vào túi quần. Sau khi bị phát hiện, M và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp điện thoại VSMART JOY 1 cho cơ quan Công an.

Như vậy, các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thế nhưng các bị cáo đã có hành vi cướp giật tài sản của cháu Phạm Lê Ngọc D, sinh ngày 16/8/2007 một điện thoại di động hiệu VSMART JOY 1 màu trắng trị giá 1.677.332 đồng. Các bị cáo phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “cướp giật tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015 theo như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng P luật.

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Về vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án: Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Văn M là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Lê Văn T đi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, còn bị cáo Lê Văn T là người thực hành thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Cân nhắc vào vai trò, tính chất mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M cao hơn mức án của bị cáo Lê Văn T là phù hợp. Cần cách ly các bị cáo khỏi đời

sống xã hội một thời gian đủ dài để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và cũng để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải. Do đó khi quyết định hình phạt cần xem xét lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt tương ứng với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là phù hợp với tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về vật chứng: Hiện đang thu giữ một xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu hồng - đen biển số 86B8-371.35 và một giấy đăng ký xe số 0337.85 của Lê Văn T. Xét thấy, vật chứng thu giữ trong vụ án thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Văn T và các bị cáo sử dụng chiếc xe này để làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu hồng - đen biển số 86B8-371.35 anh Nguyễn Văn P đã mua của bị cáo Lê Văn T với giá là 27.000.000đ, trong quá trình điều tra giữa bà Lê Thị Ý Th - mẹ của bị cáo T và anh P đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường, tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí: Cần buộc các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Văn T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 29 tháng 10 năm 2019).

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 29 tháng 10 năm 2019).

3. Về vật chứng:

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước một xe mô tô Winner biển số 86B8-371.35, màu hồng đen, đã qua sử dụng và một giấy đăng ký xe số 0337.85 của Lê Văn T là chủ sở hữu (Hiện đang thu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2020).

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19 tháng 02 năm 2020, đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CQCSĐT Công an huyện Tánh Linh;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện Tánh Linh;
- UBND xã V;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí